

Bản án số: 06/2018/HC-ST

Ngày: 22-8-2018

*V/v khiếu kiện Quyết định thu hồi  
quyết định giao đất và yêu cầu cấp  
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Tấn Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Ngọc Ân và ông Lê Xuân Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Nhật Trường – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số: 45/2017/TLST-HC ngày 15 tháng 6 năm 2017 về việc: “*Khiếu kiện Quyết định thu hồi quyết định giao đất và yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HC ngày 11 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 282/2018/QĐST-HC ngày 09/8/2018, giữa:

- *Người khởi kiện:* Ông Châu Lý A – sinh năm 1920; Nơi cư trú: Thôn CP, xã HTĐ, huyện B, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Lý V – sinh năm 1954; Nơi cư trú: Số X đường MXT, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Phú Yên.

2. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo pháp luật: Ông VĐT, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện B. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện B: Ông NVT; Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện B. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã HTĐ, huyện B, tỉnh Phú Yên.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HTĐ, huyện B, tỉnh Phú Yên.

Ủy quyền cho ông MXT- Phó Chủ tịch UBND xã B. Theo giấy ủy quyền ngày 08/8/2018 của Chủ tịch UBND xã B. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông CLV – sinh năm 1954; Nơi cư trú: Số X đường MXT, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt

2. Vợ chồng ông T - sinh năm 1955, bà K – sinh năm 1957; Nơi cư trú: Thôn CP, xã HTĐ, huyện B, tỉnh Phú Yên. Ông T có mặt, bà K vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị TH– sinh năm 1925 (chết)

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Ông Châu Lý A (chồng) và Ông Châu Lý V (con).

Ông Châu Lý Ân ủy quyền cho ông Châu Lý Vân tham gia tố tụng.

4. Hạt kiểm lâm huyện B, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền ông Phạm Hồng Dũng – Phó trưởng Hạt kiểm lâm huyện B. Có mặt.

5. Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp HTĐ, huyện B, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2017, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Lý V trình bày:*

Nguyên trước đây, cha tôi (ông Châu Lý A) có đơn xin nhận đất làm vườn rừng vào năm 1988, trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Khánh ban hành Quyết định số 94/QĐ-UB ngày 06/9/1988, giao cho hộ gia đình cha ông 08ha trong đó đất trống để trồng rừng 02 ha, rừng đã trồng 06 ha. Các cơ quan có thẩm quyền tiến hành giao đất trên thực địa có giấy tờ xác nhận. Toàn bộ diện tích đất trên đã được Kiểm lâm huyện Tuy Hòa cấp sổ lâm bạ ngày 29/9/1988. Ngày 28/8/2012, UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ) cho gia đình ông với diện tích khoảng 06 ha, còn lại 02 ha chưa được cấp GCNQSDĐ nhưng gia đình ông vẫn sử dụng ổn định, liên tục từ đó đến nay.

Năm 2015 ông có đơn đề nghị UBND xã HTĐ cấp GCNQSDĐ đối với 02ha còn lại, nhưng không được UBND xã HTĐ đồng ý và trả lời tại văn bản số 15/UBND

ngày 07/6/2016. Ngày 10/5/2017, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1869/QĐ-UBND thu hồi Quyết định số 94/QĐ-UB ngày 06/9/1988 của UBND huyện Tuy Hòa đã cấp đất làm vườn rừng cho hộ ông A, lý do UBND huyện B đưa ra là việc cấp đất làm vườn rừng cho hộ gia đình ông vượt quá hạn mức theo quy định tại điểm 3, mục III, Thông tư 46-TT/HTX ngày 13/12/1982 của Bộ Lâm nghiệp về hạn mức giao đất làm vườn rừng cho mỗi hộ gia đình không quá 01 ha, nhưng UBND huyện Tuy Hòa đã giao cho hộ gia đình cha ông vượt quá 07 ha.

Ông Châu Lý A không đồng ý với Quyết định số 1869/QĐ-UBND của UBND huyện B vì Quyết định số 94/QĐ-UB được ban hành trong thời gian Luật đất đai 1987 có hiệu lực thi hành, không có căn cứ để thu hồi đất vì vượt quá hạn mức, UBND huyện B chưa đối chiếu các quy định của Luật đất đai năm 1987 với Thông tư số 46-TT/HTX và không nêu rõ căn cứ pháp lý của Luật đất đai 2013 để làm căn cứ ban hành Quyết định số 1869/QĐ-UBND, nên ông yêu cầu:

(i) Hủy Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND huyện B

(ii) Công nhận diện tích đất rừng đã cấp cho hộ gia đình của ông là 08 ha và cơ quan có thẩm quyền phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với 02 ha còn lại. Hiện nay, địa phương có mở một con đường có chiều rộng khoảng 6m nằm trong diện tích 02ha đất của tôi để phục vụ cho bà con nhân dân tại địa phương đi lại ông không tranh chấp.

*Theo các văn bản trình ý kiến của UBND huyện B, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện B, Chủ tịch UBND huyện B, ông Tiến trình bày:*

Ngày 10/5/2017, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1869/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 94/QĐ-UB của UBND huyện Tuy Hòa về việc cấp đất cho hộ ông Châu Lý A làm vườn rừng. Lý do thu hồi vì vào thời điểm cấp đất, chỉ được cấp đất không quá 01 ha nhưng UBND huyện Tuy Hòa đã cấp cho hộ ông Ân 08 ha, vượt hạn mức 07 ha theo quy định tại Điểm 3, Mục III Thông tư 46-TT/HTX ngày 13/12/1982 của Bộ Lâm nghiệp. UBND B khẳng định chỉ ban hành Quyết định số 1869/QĐ-UBND để thu hồi Quyết định số 94/QĐ-UB chứ không phải thu hồi đất của hộ ông Châu Lý A. Đối với diện tích khoảng 06ha, ông A đã được cấp GCNQSDĐ sau đó làm hợp đồng chuyển nhượng cho ông Châu Lý V, ông V đã được cấp GCNQSDĐ nên căn cứ vào Điều 106 Luật đất đai 2013, Điều 87 Nghị định 43/2014 không thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông V. Do đó việc ban hành Quyết định số 1869/QĐ-UBND không ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của ông Châu Lý V. Do đó, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1869/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật.

Về yêu cầu cấp GCNQSDĐ đối với 02 ha còn lại, UBND huyện B chưa nhận được hồ sơ của ông Châu Lý A nên không có ý kiến trình bày về nội dung này.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người bị kiện UBND xã HT Đ, Chủ tịch UBND xã HTĐ trình bày: Hộ ông Châu Lý A được cấp đất theo

Quyết định số 94/QĐ-UB là 08ha để làm vườn rừng, trong đó 06 ha là đất trên rừng núi ở Hóc Gáo, còn diện tích 02 ha tại Gò Cút Sắt (Gò Mã Sắt) là diện tích nằm ở vùng đất bằng. Căn cứ theo tờ bản đồ 299, sổ địa chính, sổ mục kê được lưu tại địa phương, khi Nhà nước thực hiện Nghị định 64/CP thì diện tích 02ha tại Gò Cút sắt của ông Châu Lý A được xác định là đất công ích do xã quản lý, không phải là diện tích đất rừng. Khi thực hiện phương án giao đất, cho thuê đất thì địa phương đã có thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhưng hộ ông Châu Lý A không tiến hành đăng ký kê khai sử dụng lại diện tích 02 ha như trên, nên ông A yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 ha còn lại là không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông T và bà K trình bày: Về nguồn gốc đất đang tranh chấp thì vợ chồng ông không biết, nhưng trên cơ sở thỏa thuận với ông Châu Lý V, vợ chồng ông có xây dựng một cái chái tạm để trông coi rừng, trồng một số cây trồng trên đất và làm ruộng, nếu các bên có yêu cầu thì vợ chồng ông sẽ thu hoạch toàn bộ hoa màu để trả lại đất cho các bên.

Đại diện Hạt kiểm lâm huyện B trình bày: Việc giao đất và cấp sổ lâm bạ cho hộ ông Châu Lý A từ năm 1988, hiện nay Hạt kiểm lâm không còn lưu giữ hồ sơ gốc nên đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Đại diện Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ tổng hợp xã HTĐ trình bày: Theo các tài liệu trước đây thì Hợp tác xã có xác nhận vào giấy tờ của ông Châu Lý A về việc sử dụng đất, nhưng thời gian quá lâu Hợp tác xã cũng không lưu giữ các giấy tờ liên quan nên yêu cầu tòa xem xét.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã tiến hành đối thoại nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện về hành vi hành chính của xã HTĐ không lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Châu Lý A, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện VKSND tỉnh Phú Yên phát biểu ký kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Châu Lý A, hủy quyết định số 1869/QĐ-UB của UBND huyện B về việc thu hồi Quyết định số 94 của UBND huyện Tuy Hòa. Ông Châu Lý A có quyền yêu cầu cơ quan quản lý đất đai ở địa phương xem xét giải quyết cấp diện tích đất còn lại theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét nhận định:*

1. Về thủ tục tố tụng:

- Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND huyện B về việc “Thu hồi Quyết định số 94/QĐ-UB ngày 06/9/1988 của UBND huyện Tuy Hòa về việc cấp đất cho hộ gia đình làm vườn rừng” và yêu cầu cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất 02 ha là quyết định hành chính và hành vi hành chính. Ngày 15/5/2017, ông Châu Lý A khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, được Tòa án thụ lý giải quyết ngày 15/6/2017 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

- Thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện theo quy định tại Điều 105 Luật đất đai 2013, nhưng việc cấp hay không cấp GCNQSDĐ là hành vi hành chính của Chủ tịch UBND cấp huyện. Mặc khác, khi người khởi kiện nộp đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất lâm nghiệp, UBND xã HTĐ nhận hồ sơ, kiểm tra các tài liệu, hồ sơ tại địa phương xét thấy không hợp lệ nên đã trả lại hồ sơ cho người yêu cầu là hành vi hành chính của Chủ tịch và UBND xã HTĐ nên xác định là người bị kiện trong vụ án.

2. Tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của quyết định hành chính bị kiện:

- Tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức của Quyết định 1869/QĐ-UBND của UBND huyện B về việc thu hồi Quyết định số 94/QĐ-UB ngày 06/9/1988 của UBND huyện Tuy Hòa: UBND huyện B ban hành quyết định số 1869/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 59, 66, 105 và Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

- Tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung của Quyết định 1869/QĐ-UBND của UBND huyện B về việc thu hồi Quyết định số 94/QĐ-UB ngày 06/9/1988 của UBND huyện Tuy Hòa: Trên cơ sở đơn xin giao đất làm vườn rừng của hộ ông Châu Lý A, hộ ông Châu Lý A được UBND huyện Tuy Hòa (cũ) ban hành quyết định số 94/QĐ-UB cấp cho hộ gia đình ông A 08 ha đất để làm vườn rừng. Toàn bộ diện tích trên đã được Kiểm lâm huyện Tuy Hòa (cũ) cấp sổ lâm bạ, có sơ đồ bản vẽ giao đất và biên bản giao đất thực địa các xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền. Ngày 28/8/2012 ông Châu Lý A được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 56.201m<sup>2</sup> trong tổng số 08 ha (80.000m<sup>2</sup>) đã được nhà nước giao theo Giấy chứng nhận số BM 071873 ngày 28/08/2012. Năm 2016, ông Châu Lý A đã lập hợp đồng tặng cho ông Châu Lý V diện tích 56.201m<sup>2</sup> đất đã được cấp giấy nêu trên và đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B ghi nhận vào nội dung thay đổi chính lý khi cấp giấy chứng nhận.

Ngày 10/5/2017, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1869/QĐ-UBND để thu hồi quyết định số 94/QĐ-UB vì Quyết định số 94/QĐ-UB có vi phạm một số quy định của pháp luật tại thời điểm ban hành, cụ thể vào thời điểm giao đất để trồng rừng, mỗi hộ gia đình cá nhân chỉ được giao quá 01 ha (10.000m<sup>2</sup>) nhưng hộ ông Châu Lý A đã được giao 08 ha, vượt quá 07 ha (70.000m<sup>2</sup>). Như vậy, khi ban hành quyết định số 1869 thu hồi quyết định số 94, thì ông Châu Lý V đã quản lý sử dụng 56.201m<sup>2</sup>, việc thu hồi quyết định số 94 sẽ ảnh hưởng đến một phần hoặc toàn bộ diện tích của ông Châu Lý V đang có quyền sử dụng đất. Mặt khác, UBND huyện B chưa tiến hành kiểm kê tài sản trên đất của ông V, ông A và của vợ chồng ông T là chưa đảm bảo về mặt trình tự thủ tục. UBND B cho rằng chỉ ban hành Quyết định số 1869/QĐ-UBND để thu hồi Quyết định số 94/QĐ-UB vì không phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm giao đất, chứ không phải thu hồi đất của hộ ông Châu Lý A, đối với diện tích khoảng 06ha, ông A đã được cấp GCNQSDĐ sau đó làm hợp đồng chuyển nhượng cho ông Châu Lý V, ông V đã được cấp GCNQSDĐ nên căn cứ vào Điều 106 Luật đất đai 2013, Điều 87 Nghị định 43/2014 không thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông V, ông V vẫn được quyền sử dụng đất đối với diện tích trên. Căn cứ như trên của UBND huyện B là không phù hợp bởi lẽ: Toàn bộ diện tích đất rừng cấp cho hộ ông Châu Lý A đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao, đây là một trong những giấy tờ làm căn cứ xác lập quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013, nên việc thu hồi quyết định số 94 dẫn đến hậu quả diện tích đất cấp cho ông Châu Lý A sẽ thuộc trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất. Tại thời điểm ban hành Quyết định số 94/QĐ-UB ngày 06/9/1988 là thời điểm Luật đất đai năm 1987 có hiệu lực thi hành. Tại Điều 14 Luật đất đai năm 1987 không có trường hợp quy định nhà nước thu hồi toàn bộ hoặc một phần đất đã giao vì lý do vượt quá hạn mức. Điều 28 Luật đất đai năm 1987 quy định: “Căn cứ vào khả năng đất đai, kế hoạch sử dụng đất của địa phương và khả năng sử dụng đất của từng loại hộ, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đơn vị hành chính tương đương quy định mức đất giao cho các loại hộ nông dân cá thể ở địa phương trên cơ sở bình quân đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp tính theo nhân khẩu ở mỗi xã”. Khoản 2 Điều 29 Luật đất đai 1987 quy định “Đối với đất trồng, đồi núi trọc, rừng nghèo kiệt thì được giao theo chính sách giao đất, giao rừng để trồng trọt và chăn nuôi; đất giao cho mỗi tổ chức và cá nhân là căn cứ vào khả năng sử dụng, không hạn chế về diện tích”. Những viện dẫn trên cho thấy, việc UBND huyện Tuy Hòa cấp 08 ha đất cho hộ ông Châu Lý Ân là phù hợp với hạn mức theo Luật đất đai 1987.

Mặt khác, theo phương án số 01/PA-UB ngày 05/11/2001 về việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho hộ gia đình cá nhân sử dụng đất ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp có nêu tại Mục III.5 hạn mức giao đất lâm nghiệp (đất có rừng) cho hộ gia đình, cá nhân không quá 30 ha là phù hợp với phương án sử dụng đất tại địa phương. Hạn mức hộ ông Châu Lý A đang sử dụng phù hợp với quy định tại Điều 129 Luật Đất đai 2013.

Từ những viện dẫn trên, HĐXX thấy rằng UBND huyện B ban hành Quyết định số 1869/QĐ-UBND để thu hồi Quyết định 94/QĐ-UB là chưa đảm bảo về trình tự thủ tục cũng như nội dung, do đó cần hủy quyết định của UBND huyện B để phục hồi lại quyền lợi của đương sự.

3. Về yêu cầu hành vi hành chính của UBND xã HTĐ về việc không lập thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với 02 ha còn lại của hộ ông Châu Lý A.

Năm 2015, ông Châu Lý A có nộp hồ sơ yêu cầu cấp GCNQSDĐ đối với 02 ha tại Gò Cút Sắt (Gò Mã Sắt), UBND xã HTĐ tiếp nhận và thụ lý hồ sơ, trên cơ sở kiểm tra hồ sơ lưu tại địa phương và văn bản ý kiến hướng dẫn của UBND huyện B, UBND xã HTĐ đã xác định hồ sơ của ông Ân không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp nên không gửi hồ sơ cho UBND huyện B để xem xét. Khi thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, UBND xã HTĐ đã lập phương án số 01/PA-UB ngày 01/3/1995 cân đối toàn bộ diện tích đất 02 ha cấp cho hộ ông A là đất công ích xã và đất hoang (Hg/b) do UBND xã HTĐ quản lý trên cơ sở diện tích đất trên nằm ở vùng bằng và có xác nhận của một số người dân tại địa phương. Việc UBND xã HTĐ chưa xem xét Quyết định số 94/QĐ-UB về việc cấp đất làm vườn rừng cho hộ ông Châu Lý A, sơ đồ hiện trạng giao đất lâm nghiệp, sổ lâm bạ đã được cấp cho hộ ông Châu Lý A để xem xét, xác định loại đất là chưa hợp lý. Bên cạnh đó, căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của TAND tỉnh Phú Yên lập ngày 09/2/2018 hiện tại diện tích 02ha trên có một phần trồng rừng (cây keo, bạch đàn, xà cừ) và một phần được cải tạo để làm ruộng. Điều này phù hợp với đơn xin khai hoang và cải tạo đất của ông Châu Lý A được Hợp tác xã nông nghiệp HTĐ xác nhận. Nhưng tại phiên tòa người khởi kiện xin rút yêu cầu này, nên HĐXX không xem xét, ông Châu Lý A có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ đất khi có yêu cầu. Hiện tại, địa phương có mở một lối đi có chiều rộng khoảng 7m thuộc một phần diện tích 02ha của hộ ông Châu Lý A, ông A tự nguyện hiến phần diện tích đất nêu trên cho địa phương để phục vụ bà con nhân dân nên ghi nhận.

Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 348, 358 Luật Tố tụng hành chính; Điều 59, 66, 100, 105 và Điều 106 Luật đất đai năm 2013; các Điều 13, 14 28, 29 Luật Đất đai 1987; khoản 1 Điều 32 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Lý A theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2017

1. Hủy Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi Quyết định số 94/QĐ-UB ngày 06/9/1988 của UBND huyện Tuy Hòa về việc cấp đất làm vườn rừng cho hộ ông Châu Lý A vì không có căn cứ pháp luật.

Ông Châu Lý A đại diện cho hộ gia đình, có quyền liên hệ với cơ quan quản lý đất đai ở địa phương để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích còn lại theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Châu Lý A tự nguyện chịu 1.000.000 đồng, đã nộp đủ.

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Châu Lý A 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí HCST. Đã nộp tại biên lai số AA/2015/0001073 ngày 15/6/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- GDKT; lưu AV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Tấn Hoàng**